

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HUYỀN MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HUYỀN MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUYEN MINH DEVELOPMENT TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109739399

3. Ngày thành lập: 30/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 3 ngõ 696 đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975191223

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ vàng miếng)	2420
10.	Đúc sắt, thép	2431
11.	Đúc kim loại màu	2432
12.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
13.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
16.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

17.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
18.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
19.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
20.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
21.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
22.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
23.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
24.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
25.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
26.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
27.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
28.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
29.	Sản xuất máy luyện kim	2823
30.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
31.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
32.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
33.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
34.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
35.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
37.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
38.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
41.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Trừ các loại nhà nước cấm)	3821
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Trừ các loại nhà nước cấm)	3822
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình điện	4221

50.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
51.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Xây dựng công trình thủy	4291
54.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
55.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
57.	Phá dỡ	4311
58.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4511
65.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đấu giá)	4512
66.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4513
67.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
69.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
72.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
73.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
74.	Bán buôn thực phẩm	4632
75.	Bán buôn đồ uống	4633
76.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

77.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
78.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
79.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
80.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
82.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
83.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
84.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
85.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
86.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
87.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690(Chính)
88.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
89.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
90.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
93.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
94.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
95.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
96.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
97.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
98.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
105.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
106.	Cơ sở lưu trú khác	5590

107.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
108.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
109.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
110.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
111.	Xuất bản phần mềm (Trừ Nhà nước cấm)	5820
112.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
113.	Hoạt động hậu kỳ	5912
114.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5913
115.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
116.	Lập trình máy vi tính	6201
117.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
118.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
119.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
120.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
121.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
122.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
123.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn luật, thuế, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)	7020

124.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình ; - Thiết kế điện - cơ điện công trình ; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp, nước thải, khí thải - Thiết kế phòng cháy – chữa cháy - Khảo sát địa chất thủy văn công trình - Khảo sát địa hình công trình - Giám sát xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ ; - Kiểm định xây dựng ; - Định giá xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu,	7110
125.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
126.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320
127.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
128.	Cho thuê xe có động cơ	7710
129.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
130.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
131.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
132.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
133.	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ cho thuê lại lao động)	7820

134.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ cho thuê lại lao động)	7830
135.	Đại lý du lịch	7911
136.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
137.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
138.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
139.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
140.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
141.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
142.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
143.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
144.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 17/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036190010642

Ngày cấp: 12/08/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Thôn Nho Lâm, Xã Bình Minh, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Nho Lâm, Xã Bình Minh, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội